

Phát triển bền vững tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam

Đoàn Thị Thanh Hoà *

Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

TỪ KHÓA

Phát triển bền vững,
Tổ chức
tài chính vi mô,
Việt Nam.

TÓM TẮT

Các tổ chức tài chính vi mô (MFIs) đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế với mục tiêu trao quyền tài chính cho những thành viên nghèo nhất trong xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững. Sứ mệnh của MFIs trên thế giới và tại Việt Nam là nhằm “xóa bỏ tình trạng nghèo đói cùng cực”, đồng thời cân bằng hai mục tiêu “xã hội và tài chính” trở thành trọng tâm của “lời hứa tài chính vi mô”. Ngày nay, bền vững về mặt tài chính và phục vụ xã hội trở thành một trong những thách thức mà các MFIs đang phải đối mặt để đạt được sự phát triển bền vững. Với những số liệu thu thập về tình hình hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô chính thức được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, bài viết cho thấy những kết quả tích cực về tính bền vững tài chính, từ đó đưa ra các hàm ý quản trị để phát triển bền vững các tổ chức này trong tương lai.

1. Giới thiệu

Người nghèo trên toàn cầu không được tiếp cận với các dịch vụ và sản phẩm tài chính vì họ không thể thế chấp cho các khoản vay và không thể chịu đựng được chi phí giao dịch và lãi suất liên quan đến khoản vay. Những người cho vay hoặc thị trường không chính thức cung cấp dịch vụ tài chính cho nhóm người này vì họ thích các sản phẩm và dịch vụ tài chính quy mô nhỏ để đáp ứng nhu cầu cơ bản đồng thời không cần có tài sản thế chấp (Ledgerwood, 2013). Ở các nước đang phát triển, các ngân hàng thương mại thường né tránh các hộ gia đình nghèo vì họ cần các dịch vụ tài chính đa dạng và khác nhau (Beck & cộng sự, 2007). Chính vì thế, kể từ khi thành lập, Ngân hàng Gramee

và tài chính vi mô đã lan rộng ra khắp năm châu lục và nhiều quốc gia. Các tổ chức tài chính vi mô (Microfinance institutions - MFIs) cung cấp dịch vụ xã hội rất cần thiết bằng cách triển khai các khoản vay nhỏ và các dịch vụ tài chính khác cho người nghèo (Morduch, 1999; Nair, 2010; Chakrabarty & Bass, 2014). Nhiều nghiên cứu cho thấy các chương trình tài chính vi mô có tác động tích cực đến xã hội nhưng ít đạt được sự bền vững tài chính, điều này ngụ ý rằng các MFI phải mô phỏng các hoạt động của ngân hàng thương mại bằng cách tạo ra lợi nhuận, thực hiện quản lý tài chính lành mạnh và quản trị tốt hơn để đảm bảo tính bền vững tài chính. Cam kết xã hội của các tổ chức tài chính là tài chính toàn diện, phản ánh nỗ lực của các MFIs trong việc nâng cao khả

* Tác giả liên hệ. Email: hoadtth@ueh.edu.vn

<https://doi.org/10.61602/jdi.2024.77.11>

Ngày nhận: 05/6/2024; Ngày chỉnh sửa: 05/7/2024; Duyệt đăng: 13/7/2024; Ngày online: 12/8/2024

ISSN (print): 1859-428X, ISSN (online): 2815-6234

năng tiếp cận dịch vụ tài chính của cộng đồng, đặc biệt là người thu nhập thấp, nhóm dễ bị tổn thương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ (FFI, 2020). Tài chính vi mô hứa hẹn sẽ giảm nghèo. Để đạt được mục tiêu này, các MFI phải đạt được sự bền vững về tài chính. Với 62 chi nhánh hoạt động tại 25 tỉnh thành của 04 tổ chức tài chính vi mô được cấp phép cùng với 69 chương trình, dự án TCVM hoạt động trên địa bàn 38 tỉnh, thành phố (NHNN, 2023) đã góp phần không nhỏ cho việc cung cấp vốn cho kinh doanh, sản xuất, phục vụ các đối tượng khác nhau trong nền kinh tế, từ đó thúc đẩy cho sự phát triển của tài chính toàn diện tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, thách thức của hầu hết các MFI trên thế giới và cả Việt Nam đang đối mặt đó chính là làm sao đạt được cả hai mục tiêu kép “xã hội và bền vững tài chính”, qua đó góp phần giảm nghèo và phát triển bền vững. Chính vì thế, giải pháp nào để MFIs phát triển bền vững vẫn đang được nghiên cứu để vận dụng phù hợp với đặc điểm của Việt Nam và địa bàn hoạt động.

2. Tổng quan và phương pháp nghiên cứu

Các tổ chức tài chính vi mô (MFIs) đóng vai trò ngày càng quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của thế giới nói chung và các nước kém phát triển nói riêng. Kể từ khi thành lập, tài chính vi mô đã thu hút rất nhiều sự chú ý của nhiều nhà lý thuyết kinh tế, những người cung cấp nền tảng cho ý tưởng mới lạ về việc cho người nghèo không có đủ tài sản thế chấp vay vốn (Besley & Coate, 1995). Hoạt động cho vay này không ngừng phát triển với khoảng 916 tổ chức tài chính vi mô (MFI), tổng danh mục cho vay ước tính là 124 tỷ USD và thu hút 140 triệu người vay đang hoạt động trên toàn thế giới, trong đó 80% là phụ nữ và 65% là người vay ở nông thôn (García-Pérez & cộng sự, 2020). Nhiều tổ chức tài chính vi mô không chỉ tham gia cho vay mà còn cung cấp các dịch vụ bổ sung như tài khoản ngân hàng và sản phẩm bảo hiểm, đồng thời cung cấp kiến thức về tài chính và kinh doanh. Một số khác có thể cung cấp các sản phẩm bổ sung như tài khoản tiết kiệm, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe và phát triển cá nhân, khiến phạm vi hoạt động của MFI không chỉ dừng lại ở vấn đề tài chính (Jha, 2016).

Nhiều nhà nghiên cứu nhận thấy các lợi ích khác nhau của MFIs trong phát triển kinh tế và xã hội (Xu & cộng sự, 2019). Các lợi ích bao gồm giảm nghèo, phát triển kinh tế, trao quyền cho phụ nữ, doanh nghiệp vi mô, sáng kiến kinh doanh nhỏ và lợi ích xã

hội vì mục tiêu chính của họ là cung cấp tín dụng vi mô cho cộng đồng nghèo. MFIs luôn theo đuổi mục tiêu kép, cụ thể là đạt được cả mục tiêu xã hội và tài chính (Armendáriz & Morduch, 2010). Cân bằng hai mục tiêu này là trọng tâm của “lời hứa tài chính vi mô” (Morduch, 1999). Deutsche Bank (2007) cho thấy vẫn có sự khác biệt lớn về tính bền vững tài chính của các tổ chức tài chính vi mô. Theo ước tính sơ bộ, chỉ có 1–2% tổng số tổ chức tài chính vi mô trên thế giới (tức là khoảng 150 tổ chức) là bền vững về mặt tài chính. Trong hầu hết các trường hợp, đây là những tổ chức tài chính vi mô lớn hơn, trưởng thành, được quản lý và tương đối nổi tiếng. Khoảng 8% các tổ chức tài chính vi mô gần như có lãi. Cả hai nhóm MFI này đều được coi là các tổ chức thương mại, tập trung vào lợi nhuận và/hoặc tính bền vững. Nhóm tổ chức thứ ba (20% tổng số tổ chức tài chính vi mô) bao gồm hầu hết các tổ chức phi chính phủ, chưa bền vững về mặt tài chính nhưng có thể trở nên bền vững trong tương lai gần. Nhóm MFI còn lại (70% tổng số tổ chức) vẫn chưa bền vững về mặt tài chính và do đó phụ thuộc rất nhiều vào trợ cấp. Kết quả nghiên cứu của Hudon và Traca (2006) cho thấy chỉ có 5% tổng số MFIs hiện đang hoạt động bền vững. Các nhà trợ cấp (chính phủ, nhà tài trợ, tổ chức phi chính phủ,...) ngày càng yêu cầu sự minh bạch liên quan đến tác động của trợ cấp đối với hoạt động của các tổ chức này. Đặc biệt, các câu hỏi đã được đặt ra là liệu trợ cấp có thể làm tổn hại đến hiệu quả hoạt động của các MFIs. Để trả lời câu hỏi, Hudon và Traca (2006) sử dụng dữ liệu xếp hạng tài chính của 100 MFIs từ hai cơ quan xếp hạng hàng đầu và thấy bằng chứng cho mối quan hệ tích cực giữa cường độ trợ cấp và hiệu quả của các tổ chức tài chính vi mô. Về mặt thực tế, các khoản trợ cấp không có tác động tiêu cực đến bền vững tài chính miễn là chúng nằm trong giới hạn, tức là “trợ cấp thông minh”. Tuy nhiên, họ cũng chỉ ra rằng có một hiệu ứng ngưỡng, nghĩa là nếu mức độ trợ cấp vượt quá ngưỡng nhất định thì hiệu quả sẽ bị ảnh hưởng. Do đó, bài viết có một thông điệp rõ ràng và phù hợp về mặt chính sách: trợ cấp cho các tổ chức tài chính vi mô có thể đóng góp tích cực vào hiệu quả, nhưng chỉ ở một mức tối đa nhất định.

Sự thành công và tăng trưởng của lĩnh vực tài chính vi mô được kiểm tra thông qua khả năng tài chính tồn tại trên thị trường, được gọi là tính bền vững tài chính (Lensink và cộng sự, 2018). Tính bền vững của MFI được phân loại thành tính bền vững về tài chính, xã hội và môi trường (Cull & cộng sự, 2018; García-Pérez & cộng sự, 2017), trong đó bền

vững tài chính tập trung vào việc MFIs có khả năng tự cung tự cấp hoặc tự chủ trong quá trình hoạt động. J. Ledgerwood (2013) cho rằng bền vững về tài chính là khả năng mà MFIs có đủ thu nhập để trang trải các chi phí hoạt động, chi phí tài chính, dự phòng mất vốn và chi phí vốn điều chỉnh. Bền vững về tài chính được đo lường thông qua (1) khả năng tự bền vững hoạt động (Operational Self Sustainability - OSS), (2) khả năng tự chủ tài chính hay còn gọi là tự bền vững về tài chính (Financial Self Sustainability - FSS) và (3) lợi nhuận trên tài sản (ROA) (Ahlin & cộng sự, 2011). OSS đo lường khả năng công ty trang trải chi phí hoạt động từ doanh thu hoạt động mà không cần tài trợ từ nguồn bên ngoài (Meyer, 2002). OSS là một tỷ lệ phần trăm, trong đó trên 100% cho thấy khả năng tự túc (dưới 100% cho thấy không có khả năng tự chủ về vận hành). OSS cũng cho biết liệu một MFI có thể tiếp tục kinh doanh mà không cần thêm trợ cấp từ bên ngoài hay không. Đây là trường hợp khi OSS trên 100%. Tỷ lệ 100% trong OSS cũng là điểm hòa vốn cho hoạt động của MFI (Hadžiahmetović, 2021). FSS tương tự như OSS và lấy các giá trị điều chỉnh của doanh thu và chi phí (Meyer, 2002). Các chỉ tiêu trên trên sẽ cho thấy bất kỳ MFI nào gặp thua lỗ sẽ không được coi là bền vững về mặt tài chính ngay cả khi họ cố gắng trang trải một phần chi phí bằng nguồn tài trợ bên ngoài. ROA đo lường khả năng sinh lời của doanh nghiệp và xác định bằng thu nhập ròng chia cho tổng tài sản (Ross & cộng sự, 1995).

Để giải quyết chủ đề nghiên cứu này, hai nguồn thông tin đã được cân nhắc để sử dụng, thứ nhất là các tài liệu học thuật cụ thể về tài chính vi mô, cung cấp kiến thức chính xác và sâu sắc về hệ thống tài chính vi mô, thứ hai là cơ sở dữ liệu từ Mix Market (MIX) và các báo cáo tài chính của Tổ chức TCVM MTV Tình Thương (TYM) và Tổ chức TCVM CEP từ năm 2017 đến năm 2023 được công bố trên web-

site. MIX là cơ sở dữ liệu trực tuyến cung cấp nền tảng trao đổi dữ liệu tài chính và phi tài chính của các MFI trên toàn thế giới nhằm thúc đẩy nghiên cứu và phân tích về tài chính vi mô. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để tóm tắt những thông tin cơ bản của dữ liệu, từ đó so sánh, phân tích để cho thấy những kết quả đạt được về tính bền vững tài chính của các tổ chức tài chính vi mô được cấp phép tại Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu

Tự bền vững về hoạt động (Operational self sufficiency - OSS) đo lường mức độ phù hợp của doanh thu MFI để trang trải tổng chi phí (chi phí hoạt động, dự phòng rủi ro cho vay và chi phí tài chính) không tính đến tất cả các khoản tài trợ, trợ cấp và quyền góp, OSS < 100% thì MFI không bền vững; 100% < OSS < 110% tổ chức sẽ bền vững về mặt hoạt động và OSS > 110% tổ chức sẽ đạt bền vững về tài chính (Bayai & Ikhide, 2016). Với 534 MFI được chọn lọc từ 3.652 tổ chức tài chính vi mô trong giai đoạn 1999 đến 2017, trong đó 39,3% nằm ở Châu Mỹ Latinh, 17,5% ở Đông Âu và Trung Á và 13,3% ở Châu Phi có OSS trung bình là 116,3% (Serrano-Cinca & cộng sự, 2023)

Kết quả hoạt động của các MFI tại Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2018 (Bảng 1) có mức độ tự bền vững về hoạt động (OSS) bình quân đều trên 110%, trong đó CEP đạt tỷ lệ OSS là tốt nhất (với mức bình quân đạt 151,18%), tiếp đó là TYM đạt mức 115,23%. Bên cạnh đó, thông qua chỉ số Lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) có thể đánh giá được hiệu quả trong danh mục kinh doanh của MFI. Theo thông lệ quốc tế, MFI được coi là hoạt động hiệu quả khi ROA lớn hơn 2% thì 04 MFI tại Việt Nam có tỷ lệ ROA bình quân trong giai đoạn 2013-2018 đạt bình

Bảng 1. Kết quả hoạt động của các TCTCVM được cấp phép tại Việt Nam

Chỉ tiêu	Tổ chức CVM	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
ROA (%)	CEP	7,93	7,94	8,76	7,61	5,68	5,54	5,7	4,96	4,95
	M7MFI	-	-	-	-	11,28	2,29	-	-	-
	Thanh Hoa MFI	1,36	1,46	7,08	2,0	4,4	0,43	1,47	1,31	1,39
	TYM	6,33	3,29	7,35	5,77	4,17	3,53	3,42	3,1	2,48
OSS (%)	CEP	159,95	160,3	166,27	155,93	140,95	142,73	146,51	140,82	147,19
	M7MFI	-	-	-	112,35	-	115,44	-	-	-
	Thanh Hoa MFI	110,52	107,87	152,26	110,97	129,0	103,38	109,35	108,54	109,21
	TYM	119,6	126,21	147,3	134,49	131,67	122,25	126,44	124,51	122,25

Nguồn: Mix Market (2024)

Bảng 2. Kết quả hoạt động của TYM và CEP giai đoạn 2021-2023
Đơn vị tính: triệu đồng

Các chỉ tiêu	TYM			CEP		
	2021	2022	2023	2021	2022	2023
Tổng tài sản	2.690.019	3.050.851	3.212.581	5.229.167	6.339.896	6.357.971
Vốn chủ sở hữu	450.381	516.359	564.076	1.585.068	1.722.666	1.834.812
Tiền gửi của khách hàng	1.797.148	1.955.574	2.434.272	2.648.655	3.332.587	3.889.617
Lợi nhuận sau thuế	64.120	71.000	77.892	121.455	175.754	155.481
Dư nợ cho vay	2.122.725	2.561.140	2.736.058	4.727.590	5.608.418	5.421.725
Nợ quá hạn	470	91	111	84.048	80.409	83.767
Tỷ lệ nợ quá hạn (%)	0,02	0,004	0,004	1,78	1,43	1,55

Bảng 3. Đánh giá mức độ bền vững của CEP & TYM giai đoạn 2020 – 2023

Năm	ROA (%)		OSS (%)		FSS (%)	
	CEP	TYM	CEP	TYM	CEP	TYM
2020	3,8	2,8	137,8	127,1	118,3	121,5
2021	2,1	3,0	118,0	127,8	106,2	127,7
2022	2,8	2,9	134,0	129,5	125,8	125,2
2023	3,0	2,9	132,8	125,0	130,4	124,6
Trung bình	2,93	2,9	130,6	127,3	120,2	124,7

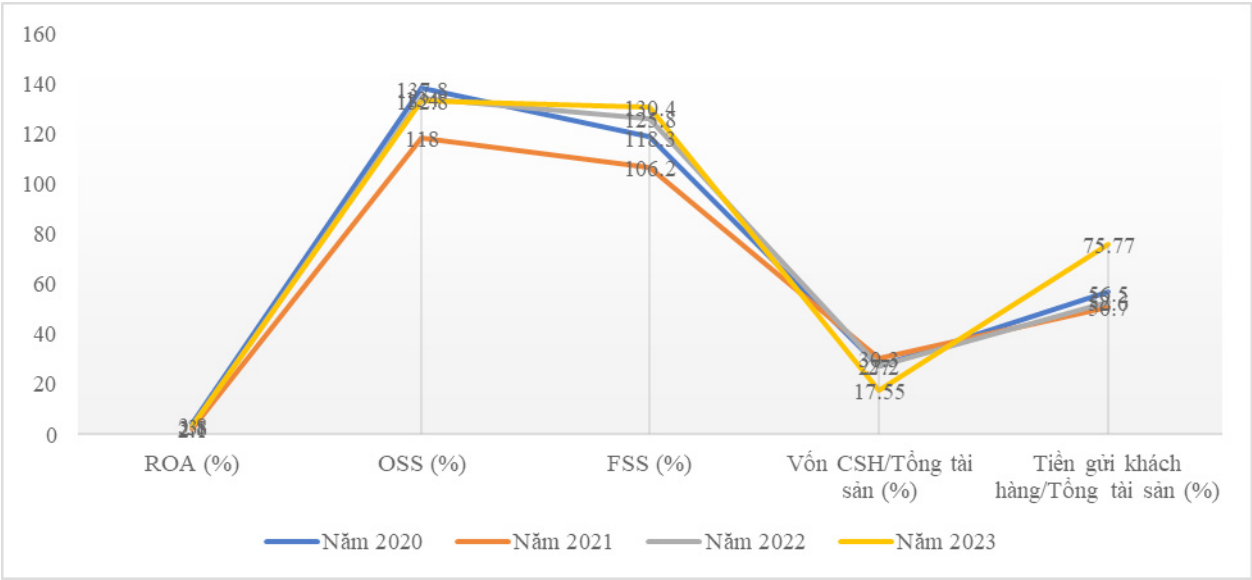
Nguồn: Tổng hợp từ BCTC (2024)

quân khoảng trên 4%. Kết quả này cho thấy các tổ chức đã rất nỗ lực để đạt được hiệu quả kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt mục tiêu xã hội khi góp phần giúp giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm nhanh. Các MFI đã tập trung nguồn lực, ưu tiên hỗ trợ khu vực khó khăn theo hướng giảm nghèo bền vững, bao trùm và hạn chế tái nghèo. Đặc biệt, trong những năm qua, đồng bào dân tộc thiểu số, các hộ đặc biệt khó khăn đều được tiếp cận với những dịch vụ tài chính “thân thiện” từ các MFI, mang lại hiệu quả cao, giúp người dân chủ động vươn lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, hiệu quả tài chính giữa các MFI lại có sự khác biệt đáng kể, 02 trong 04 tổ chức có thời gian hoạt động lâu nhất là TYM và CEP có kết quả kinh doanh tương đối ổn định qua các năm.

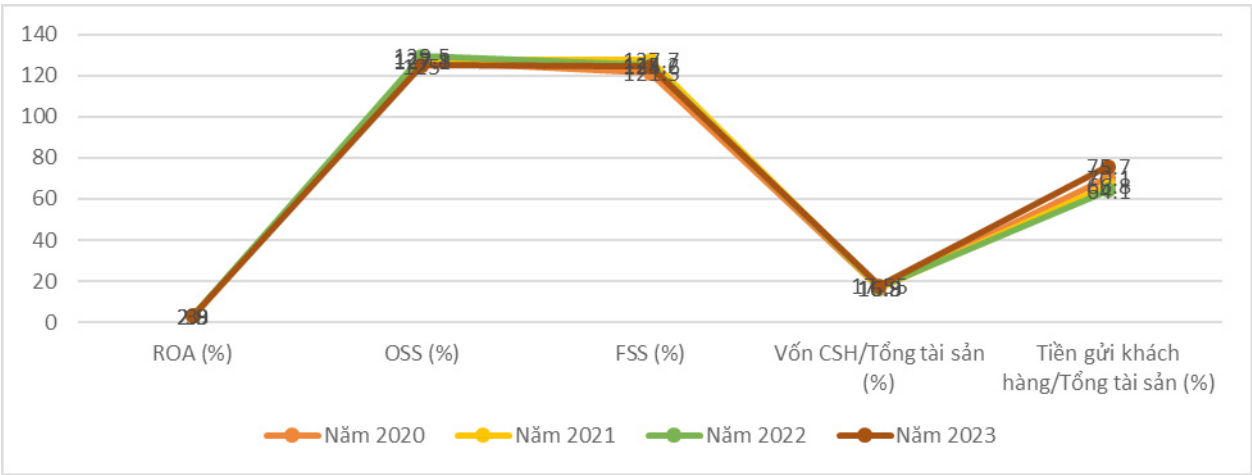
Theo tiêu chuẩn phân loại của tổ chức chia sẻ thông tin tài chính vi mô (MIX - Microfinance Information Exchange) thì khi căn cứ vào tổng dư nợ tín dụng, MFIs được phân thành 3 loại: quy mô nhỏ (dưới 2 triệu USD); quy mô trung bình (từ 2 – 8 triệu USD); quy mô lớn (trên 8 triệu USD). Theo cách phân loại này, tính đến hiện tại, Việt Nam có cả 4 tổ chức quy mô lớn là CEP, TYM, Thanh Hóa - MFI và M7 – MFI, trong đó, CEP và TYM là hai tổ chức có tổng dư nợ tín dụng lớn nhất. Kết quả thống kê tại

Bảng 2 cho thấy, tổng dư nợ tín dụng của CEP tăng 18,63% (từ 4.727.589.834.000 đồng năm 2021 lên 5.608.417.878.000 đồng năm 2022) và có sự giảm nhẹ trong năm 2023 với dư nợ đạt 5.421.725.086.000 đồng. Dư nợ tín dụng của TYM tăng từ 2.122.725.220.501 đồng năm 2021 lên 2.561.139.975.000 đồng năm 2022 (tăng 20,62%) và tiếp tục tăng vào năm 2023 đạt mức 2.736.058.189.987 đồng. Bên cạnh đó, tiền gửi của khách hàng tại các tổ chức này cũng tăng trong thời gian qua, kết thúc năm 2023, CEP huy động được 3.889.617.073.000 đồng và TYM đạt mức 2.434.272.143.394 đồng, cao hơn so với năm 2021 càng chứng tỏ nỗ lực vượt qua thời kỳ hậu Covid-19 trong cung ứng các dịch vụ tài chính vi mô cho phân khúc khách hàng yếu thế.

Bảng 3 trình bày số liệu thống kê các chỉ số cơ bản để đánh giá về tính bền vững của của TYM và CEP trong giai đoạn 2020 – 2023 được tác giả tính toán dựa trên báo cáo tài chính được công bố sau kiểm toán. Dữ liệu kéo dài 4 năm, trong đó tỷ lệ OSS trung bình là 130,6% tại CEP và 123,3% tại TYM, cao hơn so với quy định của thông lệ quốc tế. ROA của CEP với mức thấp nhất là 2,1% vào năm 2021 và cao nhất là 3,8% vào năm 2020, trung bình trong 4 năm đạt 2,93%. TYM có chỉ số ROA đạt trung bình vào



Hình 1. Kết quả hoạt động của CEP giai đoạn 2020 - 2023



Hình 2. Kết quả hoạt động của TYM giai đoạn 2020 – 2023

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC (2024)

khoảng 2,9% (cao nhất 3,0% và thấp nhất là 2,8% vào năm 2020). Mức độ tự bền vững về tài chính (FSS) của CEP đạt trung bình 120,2% thấp hơn so với TYM (124,7%), tuy nhiên vẫn đạt được mức yêu cầu theo thông lệ quốc tế mà nhiều MFI trên thế giới đang nỗ lực hướng tới.

Với 04 tổ chức TCVM và 79 chương trình, dự án TCVM đã được NHNN cấp Giấy phép đăng ký; số lượng khách hàng của 4 tổ chức TCVM đạt 500.000 khách hàng; tổng tài sản, vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu của 4 tổ chức này đạt lần lượt là 10.380 tỷ đồng, 1.060 tỷ đồng và 2.444 tỷ đồng (NHNN, 2024). Nhìn chung, các tổ chức tài chính vi mô ở Việt Nam đạt

tiêu chuẩn quốc tế về mức độ tự bền vững về hoạt động (OSS), tuy nhiên các tổ chức tài chính vi mô có nhiều vốn chủ sở hữu hơn sẽ có tính bền vững tốt hơn các tổ chức tài chính vi mô vay mượn hoặc nhận tiền gửi từ công chúng. Điều này là do chủ sở hữu của các MFI hoàn toàn không được chia lợi nhuận và MFIs chủ yếu hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp xã hội (Lê và cộng sự, 2020). Kết quả phân tích dữ liệu giai đoạn 2020 – 2023 của CEP và TYM cũng đưa ra kết luận khá tương đồng. Tỷ lệ tiền gửi/tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu/tổng tài sản có sự biến động cùng chiều với mức độ tự bền vững hoạt động (OSS) và tự bền vững tài chính (FSS). Thời gian qua, TYM và

CEP đã sử dụng rất hiệu quả nguồn tiền gửi của khách hàng để tăng mức độ tự vững về tài chính. Điều này cho thấy, cả CEP và TYM đã cơ bản cân bằng được cả hai mục tiêu “tài chính – xã hội” trong quá trình hoạt động. Đối với M7MFI và Thanh Hoá MFI chưa có được thông tin về báo cáo tài chính được kiểm toán công bố trên website nên chỉ đánh giá được kết quả hoạt động dựa trên dữ liệu được thu thập từ Worlbank được công bố trên Mix Market trong giai đoạn từ 2010 – 2018 (Bảng 1). Kết quả phân tích cho thấy mức độ từ bền vững về hoạt động (OSS) của Thanh Hoá MFI đạt 115,68%, cao hơn so với thông lệ quốc tế, đồng thời không có sự biến động mạnh qua các năm, từ đó cho thấy khả năng đảm bảo hoạt động của tổ chức này khá tốt. Hiện nay, tổ chức này đang hoạt động với 4 chi nhánh, 11 phòng giao dịch tại 267 xã, 19 huyện/thị xã/thành phố với tổng dư nợ đạt 456,8 tỷ đồng cho 19.570 khách hàng vay. M7MFI cấp phép hoạt động từ năm 2012 trên cơ sở sáp nhập Quỹ Hỗ trợ phụ nữ miền núi phát triển huyện Mai Sơn; Quỹ Khuyến khích phụ nữ phát triển thị xã Uông Bí và Quỹ Hỗ trợ phụ nữ Đông Triều. Tổ chức này hiện có 03 chi nhánh tại 02 tỉnh với sứ mệnh Hỗ trợ người gặp thách thức về kinh tế và xã hội, đặc biệt là phụ nữ và nhóm dân tộc thiểu số thông qua việc cung cấp dịch vụ tài chính vi mô, góp phần đạt được mục tiêu xóa đói giảm nghèo, bình đẳng và phát triển trên cơ sở đảm bảo sự bền vững về tổ chức và tài chính.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Các tổ chức tài chính vi mô (MFI) cung cấp nhiều loại dịch vụ tài chính cho khách hàng có thu nhập thấp, góp phần thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam nói chung và các vùng/địa phương có tỷ lệ tiếp cận dịch vụ tài chính còn thấp, từ đó góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, việc cho những người nghèo nhất vay tiền để trang trải chi phí hoạt động và tìm kiếm lợi nhuận nghe có vẻ không đơn giản. Các tổ chức tài chính vi mô có thể đi theo những con đường khác nhau để tự đạt được sự bền vững về tài chính, như tăng hoặc giảm lãi suất (Yunus, 2009), kiểm soát nợ quá hạn, giảm chi phí hoạt động, thu tiền gửi của khách hàng, tối ưu hoá cơ cấu tài chính và cả việc đi chênh khỏi sứ mệnh của mình bằng cách nhắm đến khách hàng không nghèo (Serrano-Cinca & cộng sự, 2023). Thời gian qua, MFIs tại Việt Nam đã thực hiện song song hai mục tiêu “xã hội và tài chính” nhằm đạt được sự bền vững trong hoạt động, tuy nhiên vẫn có nhiều thách thức

đặt ra, đặc biệt là với các tổ chức còn hạn chế về khả năng tự huy động vốn. Một số khuyến nghị được đề xuất như sau:

Các tổ chức tài chính vi mô Việt Nam có thể trở nên bền vững hơn về mặt tài chính bằng cách áp dụng công nghệ để giảm thiểu chi phí hoạt động, chi phí cho người cho vay, tăng phúc lợi xã hội và cải thiện tính bền vững tài chính, từ đó giúp cân bằng các mục tiêu tài chính và xã hội trong tương lai.

Nâng cao hiệu quả tài chính của các tổ chức tài chính vi mô bằng cách giảm tổn thất tín dụng thông qua việc sử dụng hệ thống thông tin phù hợp; phát triển hệ thống chấm điểm tín dụng; tăng cường giám sát người đi vay để duy trì tỷ lệ vỡ nợ ở mức tương tự như các ngân hàng.

MFIs cần quan tâm và tổ chức thường xuyên các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực cho thành viên, giúp họ sử dụng vốn vay và quản lý tài chính cá nhân hiệu quả hơn. Từ đó vừa thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ tốt, vừa phát triển được kinh tế gia đình và cải thiện đời sống. Bên cạnh việc phát triển kinh tế thì cần tổ chức các hoạt động nâng cao hiểu biết về các vấn đề chăm sóc sức khỏe; nuôi dạy con cái; các hành động thân thiện, bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực đến khí hậu, bảo vệ môi trường, từ đó thực hiện được sứ mệnh phát triển con người, phát triển xã hội và bền vững về tài chính.

Các tổ chức tài chính vi mô cũng nên tận dụng các cơ hội sẵn có như đất đai, nguồn nước, sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý để mở rộng nguồn vốn nhằm tăng cường số lượng khách hàng. Song song đó, cần đưa ra chiến lược huy động tiền gửi với mức lãi suất hợp lý để tăng tính ổn định của nguồn vốn đồng thời giảm bớt sự phụ thuộc vào các nguồn tài trợ từ bên ngoài.

Nghiên cứu về tính bền vững của MFIs tại Việt Nam vẫn còn hạn chế về việc thu thập dữ liệu có liên quan tại Thanh Hóa - MFI và M7 - MFI trong giai đoạn 2020-2023. Do đó, để đánh giá chính xác những kết quả đạt được cũng như tồn tại của các MFI cần thu thập đủ các dữ liệu có liên quan tại 04 tổ chức được NHNN cấp phép và các MFI khác đang hoạt động tại Việt Nam, đây chính là hướng cho nghiên cứu được tiếp tục thực hiện trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Armendáriz, B., & Morduch, J. (2010). *The Economics of Microfinance*. MIT Press.
- Beisland, L. A., D'Espallier, B., & Mersland, R. (2019). The commercialization of the microfinance industry: Is there a 'personal mission drift' among credit officers? *Journal of*

- Business Ethics*, 158(1), 119-134.
- Bayai, I., & Ikhide, S. (2016). Financing and financial sustainability of microfinance institutions (MFIs): A conceptual view. *Banks and Bank Systems*, 11(2), 21-32. DOI: [https://doi.org/10.21511/bbs.11\(2\).2016.03](https://doi.org/10.21511/bbs.11(2).2016.03)
- Chakrabarty, S., & A. E. Bass, (2014). Corporate governance in microfinance institutions: board composition and the ability to face institutional voids, *Corporate Governance: An International Review*, 22, 367–386.
- CEP (2024). Báo cáo tài chính năm 2017, 2028, 2019, 2020, 2021, 2022. Truy cập tại <https://cep.org.vn/thu-vien/?loai-thu-vien=bao-cau>. Ngày truy cập: 16/4/2024.
- Cull, R., Demirgüç-Kunt, A., & Morduch, J. (2018). The microfinance business model: Enduring subsidy and modest profit. *The World Bank Economic Review*, 32(2), 221–244.
- Dieckmann, R. (2007). *Microfinance: An Emerging Investment Opportunity*. Truy cập tại <https://www.findevgateway.org/sites/default/files/publications/files/mfg-en-paper-microfinance-an-emerging-investment-opportunity-dec-2007.pdf>. Ngày truy cập 15/4/2024.
- García-Pérez, I., Fernández-Izquierdo, M. Á., & Muñoz-Torres, M. J. (2020). Microfinance Institutions Fostering Sustainable Development by Region. *Sustainability*, 12(7), Article 7. DOI: <https://doi.org/10.3390/su12072682>
- Ghani, U., Burney, M. T., & Ahmad, N. (2018). The impact of technology on the sustainable development of microfinance. *Global Sci-Tech*, 10(1), 22-29.
- Hadžiahmetović, N. (2021). Factors determining the operational self-sufficiency of microfinance institutions. *Croatian Review of Economic, Business and Social Statistics*, 7(2), 1–13. DOI: <https://doi.org/10.2478/crebss-2021-0006>
- Jha, S. (2016). *Role of microfinance institutions in social development*. SSRN. https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=2777155.
- TYM (2024). Báo cáo tài chính năm 2017, 2028, 2019, 2020, 2021, 2022. Truy cập tại https://tymfund.org.vn/thu-vien/#report_files. Ngày truy cập: 16/4/2024.
- Serrano-Cinca, C., Cuellar-Fernández, B., & Fuertes-Callén, Y. (2023). Pathways to self-sufficiency in the microfinance ecosystem. *The Quarterly Review of Economics and Finance*, 92, 262–273. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.qref.2023.10.007>
- Worldbank (2024). *Thị trường MIX*. Truy cập tại <https://datacatalog.worldbank.org/search/dataset/0038647>. Ngày truy cập: 12/3/2024.
- Xu, W., Fu, H., & Liu, H. (2019). Evaluating the sustainability of microfinance institutions considering macro-environmental factors: A cross-country study. *Sustainability*, 11(21), 5947.

Sustainable development of microfinance institutions in Vietnam

Doan Thi Thanh Hoa

University of Economics Ho Chi Minh City, Vinh Long Campus, Vietnam

Abstract

Microfinance institutions (MFIs) play an increasingly important role in the economy with the goal of financially empowering the poorest members of society and promoting sustainable development. The mission of MFIs around the world and in Vietnam is to “eliminate extreme poverty”, while balancing the two goals “social and financial” becomes the focus of the “microfinance promise”. Nowadays, being financially sustainable and serving society has become one of the challenges that MFIs are facing to achieve sustainable development. With data collected on the operating situation of microfinance institutions officially licensed to operate in Vietnam, the research shows positive results on financial sustainability, thereby providing management implications for the sustainable development of these organizations in the future.

Keywords: Sustainable development, Microfinance, Vietnam.